

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2021/DS-PT  
Ngày 29-4-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tấn Quốc

*Các Thẩm phán*

Bà Huỳnh Thị Phụng

Ông Lê Minh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:**  
Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 04 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Bà Ngô Mộng L, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: Khu phố 3, Phường 3, thị xã K, tỉnh Long An. (theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2020). (có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1981 (có mặt);

2. Ông Bùi Văn Đ (tên thường gọi là Bùi Văn S), sinh năm 1977 (có mặt).  
Cùng địa chỉ cư trú: Số 266, ấp G, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

**Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:** Ông Trần D, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú: ấp R, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. (theo văn bản ủy quyền ngày 03/12/2020). (có mặt).

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú: 1/55B đường V, ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Văn Đ, bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 23/11/2020, những lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa như sau:*

Vào năm 2020 bà C có cho vợ chồng ông Đ, bà H vay tiền nhiều lần để đáo hạn ngân hàng với tổng cộng 03 lần vay là 6.300.000.000đ. Cụ thể như sau: ngày 23/6/2020 vay 4.500.000.000đ (trong đó 01 biên nhận 2.300.000đ, 01 biên nhận 2.200.000.000đ); ngày 06/7/2020 vay 1.800.000.000đ. Các lần vay đều không thỏa thuận lãi và hai bên thỏa thuận miệng là từ 03 đến 07 ngày kể từ ngày mượn, ông Đ và bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C toàn bộ số tiền trên.

Trong quá trình vay, ông Đ và bà H không thực hiện đúng như thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ. Do đó bà C khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà H có nghĩa vụ liên đới trả hết số nợ gốc vay là 6.300.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Trần D trình bày:* Bà H thừa nhận có vay và còn nợ bà C với số tiền 6.300.000.000đ. Bà H đồng ý trả hết số nợ 6.300.000.000đ như bà C yêu cầu. Tuy nhiên, đây là khoản nợ riêng của bà H, không liên quan gì đến ông Đ, chồng bà H.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là ông Trần D trình bày:* Ông Đ không biết gì về các khoản nợ vay của bà H với bà C cũng như không có nhận tiền từ bà C nên không đồng ý liên đới trả nợ như bà C đã yêu cầu. Đối với các chữ ký và tên “Bùi Văn S” trong các biên nhận là do bà H tự ký chứ ông Đ không có ký.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã K căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, 280, 288, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đã tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị C đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Bùi Văn Đ về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Bùi Văn Đ (tên gọi khác: Bùi Văn S) phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ vay là 6.300.000.000đ (sáu tỷ ba trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 20/01/2021, bị đơn ông Bùi Văn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận liên đới với bà Nguyễn Thị Ngọc H trả nợ vay cho bà C.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** Bà L không rút đơn khởi kiện; ông D và ông Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

**Ông Nguyễn Văn T và ông Trần D thống nhất trình bày:** Bà C khai ông Đ biết việc bà cho bà H vay tiền là không có căn cứ vì bà C biết bà H vay tiền không phải sử dụng cho gia đình bà H mà cho bà P vay lại để đáo hạn ngân hàng, tiền vay giao trực tiếp cho bà P. Gia đình bà H sống bằng nghề nông, ông Đ không hề biết khi bà H tự nảy sinh ý định làm trung gian vay tiền để hưởng hoa hồng và bà P chưa trả khoản hoa hồng nào cho bà H nên không thể nói bà H dùng tiền này để phục vụ lợi ích gia đình. Mặt khác, giấy vay tiền không ghi thời hạn trả là vì việc vay tiền có điều kiện là khi nào bà P trả thì bà H mới trả cho bà C. Với các lý do trên, có cơ sở xác định ông Đ hoàn toàn không biết bà H vay tiền nên ông Đ không có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà H.

**Bà Ngô Mộng Linh trình bày:** Bị đơn cho rằng bà C cho bà H vay để bà H cho bà P vay lại là không đúng vì bà C chỉ biết bà H cho người khác vay lại chứ không xác định là bà P. Việc vay giữa hai bên có lãi nhưng bà C chưa nhận khoản tiền lãi nào và chỉ yêu cầu trả nợ gốc. Khi bà H vay tiền có nói là cho vợ chồng bà H vay và giấy nợ cũng thể hiện nội dung này, ông Đ là chồng bà H, việc vay tiền của bà H cũng vì phục vụ cho lợi ích gia đình nên ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:**

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Bà H và ông Đ là vợ chồng, theo các biên nhận cho thấy ý chí của bà H khi vay tiền là vay cho vợ chồng bà, bà H và ông Đ không chứng minh được việc vay tiền chỉ phục vụ cho cá nhân bà H nên khi vay dù ông Đ không biết thì cũng phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà H. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Đ, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, những người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ

thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt đầy đủ, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

***Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:***

[3] Ông Đ kháng cáo không chấp nhận có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả nợ vay cho bà C. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Bà H và bà C thống nhất bà H còn nợ tiền vay của bà C 6.300.000.000 đồng nhưng bà H cho rằng đây là khoản nợ riêng của bà không phải nợ chung vợ chồng bà H và ông Đ. Tuy nhiên, căn cứ vào 03 biên nhận nợ thể hiện vợ chồng bà H ông Đ vay tiền của bà C, điều này chứng minh trong ý thức của bà C và bà H thì việc vay tiền này là của vợ chồng bà H ông Đ, không phải một mình bà H (mặc dù ông Đ không ký vào các biên nhận nợ). Mặt khác, bà H và ông Đ là vợ chồng, số tiền vay rất lớn, bà H và ông Đ không chứng minh được việc vay tiền chỉ phục vụ cho nhu cầu cá nhân của bà H nên phải xác định là vì nhu cầu gia đình do đó ông Đ phải có nghĩa vụ trả nợ tiền vay cùng bà H cho dù thời điểm vay tiền ông Đ không biết.

[5] Bản án sơ thẩm xử buộc ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả nợ là phù hợp pháp luật, ông Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì khác nên không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Ông Đ phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã K.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 483 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 288, 466 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Bùi Văn Đ về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Bùi Văn Đ (tên gọi khác: Bùi Văn S) phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền vay là 6.300.000.000đ (sáu tỷ ba trăm triệu đồng).

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Bùi Văn Đ phải liên đới chịu 114.300.000đ (một trăm mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.150.000đ (hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009454 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã K.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Bùi Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ do ông Đ đã nộp theo biên lai thu số 0009567 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K; ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND huyện;
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tấn Quốc**

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Huỳnh Thị Phượng - Lê Minh Tuấn**

**Trần Tấn Quốc**